

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2025/DS-PT
Ngày 04-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;
Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng gia công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 265/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn G, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Mỹ V1, sinh năm 1984; địa chỉ: ô số B, K Khu B, đường T, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (Công ty TNHH MTV M); có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Đặng Thị Mỹ V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Vào tháng 10/2021, bà Nguyễn Thị V và bà Đặng Thị Mỹ V1 có thỏa thuận với nhau về việc bà V nhận gia công hàng may mặc cho bà V1; thỏa thuận bằng

lời nói, không lập văn bản. Theo đó, bà V1 cung cấp nguyên liệu và máy móc gia công. Sau khi hoàn thành, bà V sẽ giao hàng cho bà V1 tại nhà của bà V1 ở thành phố B, tỉnh Bình Dương. Ngày 01/4/2022, hai bên thực hiện đối chiếu công nợ, xác nhận tổng số tiền hàng gia công mà bà V1 còn nợ bà V là 468.824.000 đồng. Cùng ngày, bà V1 đã thanh toán cho bà V 288.824.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ còn lại là 180.000.000 đồng và khoản nợ này đến nay vẫn chưa được bà V1 thanh toán.

Ngoài ra, theo biên bản xác nhận nợ thì bà V hiện đang giữ 10 máy may của bà V1 bao gồm: 06 máy vắt sổ hiệu Jack và 04 máy một kim hiệu Jack; bà V giữ máy do bà V1 chưa thanh toán tiền nợ. Mặc dù, bà V đã nhiều lần yêu cầu bà V1 nhận lại máy để đổi lấy việc thanh toán tiền nợ, nhưng bà V1 không đồng ý, do đó bà V chưa trả lại máy may.

Nay, nguyên đơn bà V khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà V1 phải trả cho bà V tiền nợ gốc của gia công hàng may mặc là 180.000.000 đồng, tiền nợ lãi chậm trả tạm tính từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/12/2024 (lãi suất 10%/năm) là 48.000.000 đồng, tổng cộng: 228.000.000 đồng. Đối với 10 máy may (gồm 06 máy vắt sổ hiệu Jack, 04 máy một kim hiệu Jack) của bà V1 thì bà V chỉ đồng ý hoàn trả lại trong trường hợp bà V1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho bà V.

- Bị đơn bà Đặng Thị Mỹ V1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà V về việc đã hợp tác làm ăn với bà V từ tháng 10/2021 đến tháng 4/2022 thì kết thúc. Vào ngày 01/4/2022, bà V1 có viết giấy ghi nhận việc bà V1 còn nợ bà V số tiền 180.000.000 đồng (tiền hàng gia công) và việc bà V đang giữ 10 máy may của bà V1 (bao gồm 06 máy vắt sổ hiệu Jack và 04 máy một kim hiệu Jack). Hai bên đã thỏa thuận rằng khi nào bà V trả đủ số máy may cho bà V1, thì bà V1 sẽ thanh toán đủ số tiền 180.000.000 đồng cho bà V. Ngày 07/4/2022, bà V1 đã thanh toán cho bà V số tiền 50.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 5305215015335 của Ngân hàng N. Sau khi thanh toán khoản tiền trên, khách hàng của bà V1 đã thông báo rằng những đơn hàng do bà V gia công bị lỗi, ảnh hưởng đến các đơn hàng khác nên khách hàng không thanh toán toàn bộ các đơn hàng cho bà V1 (bao gồm cả những đơn hàng do bà V làm và các đơn hàng khác). Bà V1 đã thông báo sự việc hàng bị lỗi này cho bà V. Tuy nhiên, bà V đã giữ lại 10 máy may, không trả cho bà V1, bà V1 không có máy để sản xuất, phải đi thuê máy với chi phí 500.000 đồng/ngày, gây thiệt hại cho hoạt động kinh doanh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà V1 không đồng ý vì thực tế bà V1 đã trả cho bà V số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 07/4/2022 trên tổng số nợ 180.000.000 đồng. Ngoài ra, bà V1 yêu cầu bà V phải trả lại cho bà V1 10 máy may và bồi thường tiền thuê máy mà công ty TNHH MTV M đã thuê để sản xuất, bồi thường tiền do hàng bị lỗi mà khách hàng không đồng ý thanh toán cho bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với bà Đặng Thị Mỹ V1 về việc “tranh chấp hợp đồng gia công”.

Buộc bà Đặng Thị Mỹ V1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc buộc bà Đặng Thị Mỹ V1 phải trả số tiền lãi là 50.049.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2025 của bị đơn bà Đặng Thị Mỹ V1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận bị đơn còn nợ số tiền 130.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn trả số tiền 130.000.000 đồng cho nguyên đơn sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực. Bị đơn đồng ý trả số tiền trên nhưng đưa ra điều kiện được thanh toán trả dần, bị đơn trả 3.000.0000 đồng/tháng cho nguyên đơn đến khi hết số nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý; ngoài ra giữa các bên sau khi chốt nợ vào ngày 01/4/2022 biên bản cũng không thể hiện việc thỏa thuận về phương thức trả dần, do đó đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền 130.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ, đối với yêu cầu kháng cáo về phương thức thanh toán trả dần của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện ngày 07/4/2022 chuyển cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng là thanh toán cho khoản nợ đã chốt ngày 01/4/2022. Ngoài ra, quá trình Tòa án tiến hành các hoạt động tố tụng, bị đơn không có yêu cầu phản tố và thực hiện thủ tục phản tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu này của bị đơn; bị đơn có quyền khởi kiện trong một vụ án khác là đánh giá chứng cứ không phù hợp với thực tế, giải

quyết không triệt để vụ án. Đối với yêu cầu của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả 10 máy may, bồi thường tiền thuê máy: quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 180.000.000 đồng mà không trừ 50.000.000 đồng là giải quyết không đúng quy định pháp luật, bị đơn kháng cáo là có căn cứ chấp nhận một phần. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng (180.000.000 đồng - 50.000.000 đồng).

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Mỹ V1 trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận: hai bên đã giao kết hợp đồng gia công hàng may mặc với nhau, hợp đồng này được thực hiện thông qua hình thức thỏa thuận miệng (không lập thành văn bản); ngày 01/4/2022, các bên đã cùng nhau thống nhất và xác nhận bị đơn bà V1 còn nợ nguyên đơn bà V số tiền là 180.000.000 đồng, nguyên đơn bà V đang giữ 10 máy may (06 máy vắt sổ hiệu Jack và 04 máy một kim hiệu Jack) thuộc sở hữu của bị đơn bà V1; ngày 07/4/2022, bà V1 đã thanh toán cho bà V số tiền 50.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà V đã thay đổi lời trình bày, thừa nhận tính đến ngày 07/4/2022, số tiền hàng gia công mà bị đơn bà V1 còn nợ là 130.000.000 đồng, chứ không phải 180.000.000 đồng như trình bày tại cấp sơ thẩm. Bị đơn bà V1 đề nghị được thanh toán số nợ 130.000.000 đồng này cho nguyên đơn bà V theo phương thức trả dần, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn bà V không đồng ý với đề nghị trên; do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận đề nghị phương thức trả dần của bị đơn bà V1.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn bà V1 về việc buộc nguyên đơn hoàn trả 10 máy may, bồi thường tiền thuê. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy, do bị đơn không có yêu cầu phản tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết và tuyên bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác là đúng luật định.

[5] Từ những nhận định trên, bị đơn bà V1 kháng cáo là có căn cứ chấp nhận một phần.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu theo luật định.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Mỹ V1.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V đối với bà Đặng Thị Mỹ V1 về việc “tranh chấp hợp đồng gia công”.

Buộc bà Đặng Thị Mỹ V1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đặng Thị Mỹ V1 phải chịu 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị V phải chịu 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000555 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại.

3. Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc buộc bà Đặng Thị Mỹ V1 phải trả số tiền lãi là 50.049.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: trả cho bà Đặng Thị Mỹ V1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0009955 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- TAND thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Vương